



AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX
MANAGEMENT CONSULTANT

COM.PT CO., LTD.
32/203, Chùa Bộc Street, Dong Da
District, Ha Noi
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 6 2517 402
Fax: (84-4) 6 2517 402
Email: comptkiemtoan@gmail.com

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đã được kiểm toán)

COM.PT
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN
THẦU HIỆU THỰC TIỄN



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình (Tranimexco) (Transportation Import Export and Construction Joint Stock company) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 031127673 Đăng ký lần đầu: Ngày 15/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 031127673 Đăng ký lần đầu: Ngày 15/11/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15/04/2014 là 58.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty: 175 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: 0835102356 Fax: 0835102355

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Cung	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Văn Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Nga	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.PT đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình

Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Vũ Văn Hưng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016



AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX
MANAGEMENT CONSULTANT

COM.PT CO.,LTD
32/203, Chua Boc Street, Dong Da
District, Ha Noi
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 6 2517 402
Fax: (84-4) 6 2517 402
Email: comptkiemtoan@gmail.com

Số: 6805/2016/BCTC-COM.PT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2016, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, kể từ năm 2015, nhà thầu xây dựng không được vốn hóa chi phí lãi vay. Tuy nhiên, trong năm, Công ty đã vốn hóa 3.050.066.240 đồng lãi vay vào chi phí sản xuất chung của các hợp đồng xây dựng. Trong đó 2.020.181.790 đồng đang nằm trên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chưa được kết chuyển vào chi phí trong kỳ.

COM.PT
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN
THẤU HIỂU THỰC TIỄN



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hoàng Giang

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-069-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Lê Thị Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.593.613.697	299.370.599.457
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.428.978.577	21.988.014.486
1. Tiền	111	V.1	22.428.978.577	21.988.014.486
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.424.887.551	1.887.551
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.887.551	1.887.551
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.423.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		271.451.072.414	176.372.145.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	147.931.085.680	77.823.258.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	67.340.204.570	55.470.141.516
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	70.950.848.584	57.849.812.261
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(15.271.066.420)	(15.271.066.420)
IV. Hàng tồn kho	140		103.973.935.780	101.008.552.045
1. Hàng tồn kho	141	V.6	103.973.935.780	101.008.552.045
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		314.739.375	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		314.739.375	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.735.626.069	25.974.352.949
II. Tài sản cố định	220		24.019.415.687	8.839.782.165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24.019.415.687	8.839.782.165
<i>Nguyên giá</i>	222		41.299.149.424	28.476.301.912
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.279.733.737)	(19.636.519.747)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		145.800.000	145.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(145.800.000)	(145.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.9	8.870.797.990	9.357.311.830
<i>Nguyên giá</i>	231		15.483.929.000	15.483.929.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.613.131.010)	(6.126.617.170)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.620.200.000	6.820.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	5.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.620.200.000	1.620.200.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.225.212.392	957.058.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.195.212.392	927.058.954
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		435.329.239.766	325.344.952.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		394.325.092.289	284.981.790.526
I. Nợ ngắn hạn	310		386.955.088.492	275.260.386.729
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	39.677.570.113	21.719.766.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	86.757.507.721	73.897.493.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.541.275.185	15.141.679.858
4. Phải trả người lao động	314		1.351.688.941	1.201.984.374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		105.137.138.360	57.125.751.625
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	24.836.588.690	31.365.336.928
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		114.653.319.482	74.808.373.116
II. Nợ dài hạn	330		7.370.003.797	9.721.403.797
7. Phải trả dài hạn khác	337		2.695.003.797	2.910.003.797
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.675.000.000	6.811.400.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.004.147.477	40.363.161.880
I. Vốn chủ sở hữu	410		41.004.147.477	40.363.161.880
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	38.000.000.000	38.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		703.752.494	703.752.494
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(129.600.000)	(129.600.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		730.277.473	730.277.473
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.699.717.510	1.058.731.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		473.965.503	189.395.018
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.225.752.007	869.336.895
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		435.329.239.766	325.344.952.406

Nguyễn Văn Khôi
Người lập biểu

Nguyễn Văn Khôi
Kế toán trưởng

Vũ Văn Hưng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

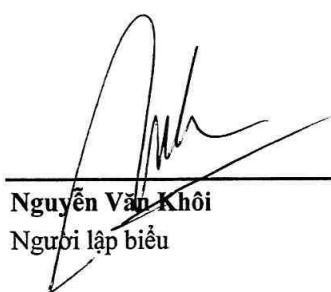


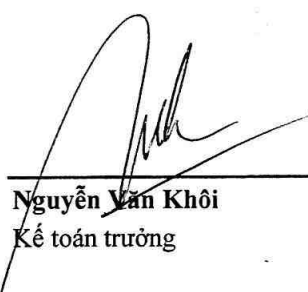
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	532.798.457.258	116.612.652.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		532.798.457.258	116.612.652.405
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	515.813.129.413	109.348.950.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.985.327.845	7.263.702.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	211.180.570	633.616.454
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.323.515.768	1.934.623.938
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.086.257.467	1.859.562.033
8. Chi phí bán hàng	24		328.182	76.184.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.909.303.176	5.597.265.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		963.361.289	289.244.962
11. Thu nhập khác	31	VI.5	2.077.272.727	2.511.771.557
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.045.712.497	1.656.322.958
13. Lợi nhuận khác	40		1.031.560.230	855.448.599
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.994.921.519	1.144.693.561
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	769.169.512	275.356.666
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.225.752.007	869.336.895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	324	230


Nguyễn Văn Khôi
Người lập biểu


Nguyễn Văn Khôi
Kế toán trưởng



Vũ Văn Hưng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		371.004.425.748	114.989.576.099
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(126.224.588.792)	(65.826.876.344)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.299.556.831)	(1.165.010.694)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(6.674.289.290)	(6.555.830.999)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.068.667.402)	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.622.632.953	22.579.661.028
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.442.971.668)	(67.175.842.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		215.916.984.718	(3.154.323.215)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(21.452.465.000)	(9.402.514.455)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.160.000.000	2.145.654.545
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.423.000.000)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		198.597.752	607.839.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.516.867.248)	(1.649.020.234)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		5.500.000.000	93.935.954.916
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(198.874.386.969)	(94.858.026.721)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(584.766.410)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(193.959.153.379)	(922.071.805)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		440.964.091	(5.725.415.254)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.988.014.486	31.713.429.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22.428.978.577	25.988.014.486

Nguyễn Văn Khôi
Người lập biểu

Nguyễn Văn Khôi
Kế toán trưởng

Vũ Văn Hưng
Giám đốc



TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình (Tranimexco) (Transportation Import Export and Construction Joint Stock company) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 031127673 Đăng ký lần đầu : Ngày 15/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 031127673 Đăng ký lần đầu: Ngày 15/11/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15/04/2014 là 58.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ đồng chẵn).

Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông khác	Số vốn đăng ký trên GCNĐKDN ngày 15/11/2014		Số thực góp tại 31/12/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn NN: Đỗ Đình Hóa	6.645.000.000	11,46%	-	0,00%
Bùi Văn Trọng	274.500.000	0,47%	-	0,00%
Nguyễn Bách Thiên	11.600.000	0,02%	-	0,00%
Nguyễn Thúy Nga	500.000.000	0,86%	-	0,00%
Nguyễn Văn Cung	209.600.000	0,36%	259.600.000	0,68%
Vũ Hữu Lợi	100.000.000	0,17%	100.000.000	0,26%
Và 131 Cổ đông khác sáng lập	4.405.500.000	7,60%	-	0,00%
Cổ đông khác	45.853.800.000	79,06%	37.640.400.000	99,05%
	58.000.000.000	100,00%	38.000.000.000	100,00%

2 Lĩnh vực kinh doanh.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Xây dựng công trình giao thông.

3 Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán phụ tùng và accs bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí: Xử lý tráng phủ kim loại;
- May trang phục (Trừ trang phục tư lông da thú)
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn khác đồ dùng cho gia đình;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác cát đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ ô tô con (loại từ 12 chỗ ngồi chở xuống);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Nhà hàng và accs dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Giáo dục nghề nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất giường tủ, bàn ghế;
- Bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất từ sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quản bá và tổ chức tua du lịch;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn đồ uống.

4. Cấu trúc doanh nghiệp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình	Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình tại Hà Nội	Phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình tại Miền Đông		

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh, do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm. Bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Đồng Việt Nam

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Công ty đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hướng dẫn mới về thuế

Hướng dẫn mới về luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế

Ngày 26 tháng 11 năm 2014, Quốc hội đã ban hành Luật số 71/2014/QH13 (“Luật số 71”) hướng dẫn việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế. Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13, Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13, Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11, Luật Hải quan số 54/2013/QH13. Luật số 71 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Luật số 71 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hướng dẫn mới về thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật quản lý thuế

Ngày 18 tháng 6 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2014/TT-BTC (“Thông tư 78”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Thông tư này thay thế Thông tư số 123/2012/TT-BTC (“Thông tư 123”) ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013. Thông tư 78 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 78 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 12 tháng 2 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành.

Ngày 27 tháng 2 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về Thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 154/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đánh giá Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2015 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy tính

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty áp dụng tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau

Đối với chứng khoán kinh doanh: Căn cứ vào giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25 năm
- Máy móc, thiết bị	06-12 năm
- Phương tiện vận tải	08-12 năm
- Thiết bị văn phòng	06-10 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản, bao gồm: Chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (Được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí trích trước hàng tháng để ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ, gồm: Chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát, là những thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhưng không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động kinh doanh. Chi phí này được ghi nhận vào Chi phí quản lý doanh nghiệp (6421). Khi tính chi phí chịu thuế TNDN chi phí này sẽ được loại trừ để tính thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí phải trả theo nội dung nêu trên được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp căn cứ vào Điều lệ của Công ty đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả đã ghi nhận là thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".
- Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả: Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi nhận như một khoản thu nhập khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá phát hành cổ phiếu (nếu có) chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ (nếu có).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và trích lập các quỹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng: Việc ghi nhận doanh thu bán hàng của Công ty tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản ứng trước của khách hàng quy định trên các Hợp đồng kinh tế ký kết không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp, được khách hàng chấp nhận thanh toán và phát hành hoá đơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Chi phí dịch vụ phát sinh liên quan đến doanh thu dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính tuân thủ nguyên tắc phù hợp.
- Doanh thu hoạt động tài chính: Là lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá hối đoái) phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc ghi nhận doanh thu tài chính tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt	83.666.989	69.945.782
Văn phòng	51.038.882	30.177.854
Chi nhánh Hà Nội	6.332.256	13.472.077
Chi nhánh Miền Đông	26.295.851	26.295.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.345.311.588	21.918.068.704
Văn phòng	21.878.579.759	21.887.399.081
Chi nhánh Hà Nội	466.731.829	30.669.623
Cộng	22.428.978.577	21.988.014.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a, Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		31/12/2014			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	1.887.551	1.887.551	-	1.887.551	1.887.551	-
Cộng	1.887.551	1.887.551	-	1.887.551	1.887.551	-

b, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	1.423.000.000	1.423.000.000	-	-
- Tiền gửi Ngân hàng Hàng hải	1.423.000.000	1.423.000.000	-	-
Cộng	1.423.000.000	1.423.000.000	-	-

c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		31/12/2014			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con						
- Công ty Cổ phần gỗ Sài Thành	-	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cán Vinh Long	1.510.000.000	1.510.000.000	-	1.510.000.000	1.510.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Kinh doanh BĐS Tổng Sáu	510.000.000	510.000.000	-	510.000.000	510.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Kinh doanh BĐS Tổng Sáu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
- Góp vốn Công ty TNHH Pacific	110.200.000	110.200.000	-	110.200.000	110.200.000	-
Cộng	1.510.000.000	1.510.000.000	-	6.710.000.000	6.710.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Tại văn phòng công ty	132.595.579.582	62.825.676.920
Tại chi nhánh Hà Nội	13.398.180.205	13.060.255.205
Tại các chi nhánh khác	1.937.325.893	1.937.325.893
Cộng	147.931.085.680	77.823.258.018

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2015	31/12/2014
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tại Văn phòng công ty	63.759.362.821	51.889.299.767
Tại Vhi nhánh Hà Nội	824.000.000	824.000.000
Tại các Chi nhánh khác	2.756.841.749	2.756.841.749
Cộng	67.340.204.570	55.470.141.516

5. Phải thu khác

	31/12/2015	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2014
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tại Văn phòng công ty	65.459.263.960		52.358.227.637	
Tại Chi nhánh Hà Nội	1.353.042.319	-	1.353.042.319	-
Tại Các chi nhánh khác	4.138.542.305		4.138.542.305	
Cộng	70.950.848.584	-	57.849.812.261	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường;	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu;	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ;	73.914.000	-	15.346.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	100.456.579.906	-	99.701.601.355	-
- Thành phẩm;	-	-	-	-
- Hàng hóa;	3.443.441.874	-	1.291.604.690	-
- Hàng gửi bán;	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	103.973.935.780	-	101.008.552.045	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	452.096.551	25.834.628.002	1.794.109.049	395.468.310	28.476.301.912
Mua trong năm	-	16.863.636.363	1.571.623.271	-	18.435.259.634
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	4.308.666.667	1.303.745.455	-	5.612.412.122
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	452.096.551	38.389.597.698	2.061.986.865	395.468.310	41.299.149.424
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	193.834.002	18.483.240.240	612.589.531	346.855.974	19.636.519.747
Khấu hao trong năm	12.153.108	2.046.970.235	135.806.820	14.983.452	2.209.913.615
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	4.566.699.625	-	-	4.566.699.625
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	205.987.110	15.963.510.850	748.396.351	361.839.426	17.279.733.737
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2014	258.262.549	7.351.387.762	1.181.519.518	48.612.336	8.839.782.165
Tại ngày 31/12/2015	246.109.441	22.426.086.848	1.313.590.514	33.628.884	24.019.415.687

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	-	-	145.800.000	-	145.800.000
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	145.800.000	-	145.800.000
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	-	-	145.800.000	-	145.800.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	145.800.000	-	145.800.000
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-	-	-

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	15.483.929.000	-	-	15.483.929.000
- Quyền sử dụng đất	8.098.769.000	-	-	8.098.769.000
- Nhà	7.385.160.000	-	-	7.385.160.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	19	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	6.126.617.170	486.513.840	-	6.613.131.010
- Quyền sử dụng đất			-	-
- Nhà	6.126.617.170	486.513.840	-	6.613.131.010
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	9.357.311.830	-	-	8.870.797.990
- Quyền sử dụng đất	8.098.769.000	-	-	8.098.769.000
- Nhà	1.258.542.830	-	-	772.028.990
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

10. Chi phí trả trước

	31/12/2015	31/12/2014
- Thuê văn phòng	746.070.630	805.852.242
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	21.054.930	30.062.393
- Vận chuyển trạm trộn bê tông	427.272.727	-
- Các khoản khác	814.105	91.144.319
Cộng	1.195.212.392	927.058.954

11. Phải trả người bán

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Tại Văn phòng công ty	35.370.064.385	20.987.932.125
Tại Chi nhánh Hà Nội	3.575.671.000	
Tại các Chi nhánh khác	731.834.728	731.834.728
Cộng	39.677.570.113	21.719.766.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

12. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a, Vay ngắn hạn	114.653.319.482	114.653.319.482	235.039.933.335	(195.194.986.969)	74.808.373.116	74.808.373.116
Vay ngân hàng	95.872.602.764	95.872.602.764	235.039.933.335	(182.450.630.469)	43.283.299.898	43.283.299.898
Ngân hàng TMCP Việt Hoa (1)	3.685.937.764	3.685.937.764	-	-	3.685.937.764	3.685.937.764
Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN Gia Định	46.730.665.000	46.730.665.000	67.880.665.000	(48.480.362.134)	27.330.362.134	27.330.362.134
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Gia Định	-	-	1.390.000.000	(4.045.000.000)	2.655.000.000	2.655.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	39.996.000.000	39.996.000.000	165.769.268.335	(125.773.268.335)	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - CN Chương Dương (Chuyển từ Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt) (2)	5.460.000.000	5.460.000.000	-	(3.957.000.000)	9.417.000.000	9.417.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	-	-	-	(195.000.000)	195.000.000	195.000.000
Vay đối tượng khác	18.780.716.718	18.780.716.718	-	(12.744.356.500)	31.525.073.218	31.525.073.218
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 6 (4)	4.966.676.269	4.966.676.269	-	-	4.966.676.269	4.966.676.269
Vũ Văn Hưng	6.994.290.449	6.994.290.449	-	(10.000.000.000)	16.994.290.449	16.994.290.449
Nguyễn Văn Cung	-	-	-	(250.000.000)	250.000.000	250.000.000
Đỗ Đăng Vị	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Thị Kim Loan	-	-	-	(574.356.500)	574.356.500	574.356.500
Đặng Trần Ngọc Nam	3.315.000.000	3.315.000.000	-	(1.770.000.000)	5.085.000.000	5.085.000.000
Trần Thị Thanh Thùy	-	-	-	(150.000.000)	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	3.004.750.000	3.004.750.000	-	-	3.004.750.000	3.004.750.000
b, Vay dài hạn	4.675.000.000	4.675.000.000	5.500.000.000	4.786.400.000	6.811.400.000	6.811.400.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Gia Định	-	-	-	5.611.400.000	6.811.400.000	6.811.400.000
- Mua nhà 86 Bùi Viện (5)	-	-	-	6.211.400.000	6.211.400.000	6.211.400.000
- Mua ô tô Toyota Camry (3)	-	-	-	(600.000.000)	600.000.000	600.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (6)	4.675.000.000	4.675.000.000	5.500.000.000	(825.000.000)	-	-
Cộng	119.328.319.482	119.328.319.482	240.539.933.335	(190.408.586.969)	81.619.773.116	81.619.773.116

(1) Công ty được nhận bàn giao khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Hoa từ Công ty Xuất nhập khẩu tổng hợp Giao thông vận tải Getranimex khi cổ phần hóa. Hiện tại, khoản vay này đang xảy ra tranh chấp và được Tòa án Quận 5 tạm đình chỉ xử lý theo Quyết định số 06/2005/DS-ST-TĐC ngày 06/12/2005.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - CN Chương Dương (Chuyển từ Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt) để bổ sung vốn lưu động tại chi nhánh Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- (3) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia định theo Hợp đồng tính dụng 191.14.22.1386482 ngày 11/04/2014 để mua xe ô tô Toyota Camry. Số dư vay theo hợp đồng này tại 1/1/2015 là 795.000.000 đồng. Lịch trả nợ trong năm 2015 công ty đã trả gốc toàn bộ số dư gốc của Hợp đồng.
- (4) Khoản vay vốn ODA của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 với lãi suất 4%/năm
- (5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia định theo Hợp đồng tính dụng số 490.14.220.1386.4282.TD ngày 26/09/2014 để thanh toán Quyền sử dụng đất tại số 86 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- (6) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng 490.14.220.1386.482.TD ngày 26/09/2014 để trả nợ khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia định nhà 86 Bùi Viện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	31/12/2014
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Tại Văn phòng công ty	84.984.233.546	72.893.133.975
Tại Chi nhánh Hà Nội	1.773.274.175	1.004.360.000
Tại các Chi nhánh khác	-	0
Cộng	86.757.507.721	73.897.493.975

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	31/12/2014
- Thuế GTGT	7.763.197.938	7.070.817.268
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.653.943.562	1.653.943.562
- Thuế TNDN	4.298.079.120	5.597.577.010
- Thuế TNCN	129.619.112	122.906.565
- Thuế Tài Nguyên	-	-
- Thuế Nhà Đất	-	-
- Tiền Thuê Đất	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-
- Các loại thuế khác	696.435.453	696.435.453
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	14.541.275.185	15.141.679.858

15. Phải trả khác

	31/12/2015	31/12/2014
Tại Văn phòng công ty	25.480.168.022	32.337.636.260
Tại Chi nhánh Hà Nội	473.680.849	359.960.849
Tại các Chi nhánh khác	1.577.743.616	1.577.743.616
Cộng	27.531.592.487	34.275.340.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	38.000.000.000	703.752.494	(129.600.000)	730.277.473	189.395.018	39.493.824.985
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	869.336.895	869.336.895
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2015	38.000.000.000	703.752.494	(129.600.000)	730.277.473	1.058.731.913	40.363.161.880
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.225.752.007	1.225.752.007
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(584.766.410)	(584.766.410)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	38.000.000.000	703.752.494	(129.600.000)	730.277.473	1.699.717.510	41.004.147.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

*Danh sách cổ đông sáng lập
và cổ đông khác*

*Số vốn đăng ký trên GCNĐKDN
ngày 15/11/2014*

Số thực góp tại 31/12/2015

	<i>Số vốn đăng ký trên GCNĐKDN ngày 15/11/2014</i>		<i>Số thực góp tại 31/12/2015</i>	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn NN: Đỗ Đình Hóa	6.645.000.000	11,46%	-	0,00%
Bùi Văn Trọng	274.500.000	0,47%	-	0,00%
Nguyễn Bách Thiên	11.600.000	0,02%	-	0,00%
Nguyễn Thúy Nga	500.000.000	0,86%	-	0,00%
Nguyễn Văn Cung	209.600.000	0,36%	259.600.000	0,68%
Vũ Hữu Lợi	100.000.000	0,17%	100.000.000	0,26%
Và 131 Cổ đông khác sáng lập	4.405.500.000	7,60%	-	0,00%
Cổ đông khác	45.853.800.000	79,06%	37.640.400.000	99,05%
	58.000.000.000	100,00%	38.000.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	584.766.410	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng hóa	3.076.836.605	6.070.233.604
Doanh thu hợp đồng xây dựng	528.481.571.051	109.074.071.863
Doanh thu dịch vụ	1.240.049.602	1.468.346.938
Cộng	532.798.457.258	116.612.652.405

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.015.769.076	6.094.926.622
Giá vốn hợp đồng xây dựng	512.123.481.398	101.869.998.626
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	673.878.939	1.384.025.145
Cộng	515.813.129.413	109.348.950.393

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	211.180.570	633.616.454

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	3.086.257.467	1.859.562.033
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.200.000.000	-
Chi phí tài chính khác	37.258.301	75.061.905
	8.323.515.768	1.934.623.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	2.057.272.727	2.145.654.545
- Các khoản khác.	20.000.000	366.117.012
	2.077.272.727	2.511.771.557

6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	1.045.712.497	1.380.615.061
- Các khoản bị phạt;		-
- Các khoản khác.		275.707.897
	1.045.712.497	1.656.322.958

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	769.169.512	275.356.666
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	769.169.512	275.356.666

	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.994.921.519
Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	1.501.303.537
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.496.225.056
Thuế TNDN	769.169.512
Thuế TNDN được giảm	-
Thuế TNDN phải nộp	769.169.512

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.225.752.007	869.336.895
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.225.752.007	869.336.895
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	3.787.040	3.787.040
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.787.040	3.787.040
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	324	230

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.428.978.577	21.988.014.486	22.428.978.577	21.988.014.486
Phải thu khách hàng, phải thu khác	218.881.934.264	135.673.070.279	203.610.867.844	120.402.003.859
Các khoản cho vay	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	241.810.912.841	158.161.084.765	226.539.846.421	142.890.018.345
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	119.328.319.482	81.619.773.116	119.328.319.482	81.619.773.116
Phải trả người bán, phải trả khác	67.209.162.600	55.995.107.578	67.209.162.600	55.995.107.578
Chi phí phải trả	105.137.138.360	57.125.751.625	105.137.138.360	57.125.751.625
	291.674.620.442	194.740.632.319	291.674.620.442	194.740.632.319

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá chứng khoán:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu:

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu hàng hóa.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.428.978.577	-	-	22.428.978.577
Phải thu khách hàng, phải thu khác	218.881.934.264	-	-	218.881.934.264
Các khoản cho vay	500.000.000	-	-	500.000.000
Đầu tư ngắn hạn				-
Đầu tư dài hạn				-
	241.810.912.841	-	-	241.810.912.841

Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.988.014.486	-	-	21.988.014.486
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.673.070.279	-	-	135.673.070.279
Các khoản cho vay	500.000.000	-	-	500.000.000
Đầu tư ngắn hạn				-
Đầu tư dài hạn				-
	158.161.084.765	-	-	158.161.084.765

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	114.653.319.482	4.675.000.000	-	119.328.319.482
Phải trả người bán, phải trả khác	64.514.158.803	2.695.003.797	-	67.209.162.600
Chi phí phải trả	105.137.138.360	-	-	105.137.138.360
	284.304.616.645	7.370.003.797	-	291.674.620.442
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	74.808.373.116	6.811.400.000	-	81.619.773.116
Phải trả người bán, phải trả khác	53.085.103.781	2.910.003.797	-	55.995.107.578
Chi phí phải trả	57.125.751.625	-	-	57.125.751.625
	185.019.228.522	9.721.403.797	-	194.740.632.319

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COMPT kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này. (Phụ lục 01)



Nguyễn Văn Khôi
Người lập biểu



Nguyễn Văn Khôi
Kế toán trưởng



Trần Văn Hưng
Tổng Giám đốc



TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

CHỨNG THỰC ĐÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH SCT/BS

Số chứng thực 6377 quyền số 3
Ngày 20-06-2016



Bùi Văn Hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Phụ lục 01: Trình bày lại các chỉ tiêu đầu kỳ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Số liệu trình bày trên BCTC tại ngày 31/12/2014		Số liệu trình bày lại theo TT 200		Thay đổi		
Mã số	Tên chi tiêu	Số tiền	Mã số	Tên chi tiêu	Số tiền	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7=6-3
TÀI SẢN						
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	299.370.599.457	100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	299.370.599.457	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	501.887.551	120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.887.551	(500.000.000)
121	1. Đầu tư ngắn hạn	501.887.551	121	1. Chứng khoán kinh doanh	1.887.551	(500.000.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	169.443.451.386	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	176.372.145.375	6.928.693.989
135	5. Các khoản phải thu khác	51.421.118.272	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	6.428.693.989	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	57.849.812.261	6.428.693.989
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13.039.204	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	(6.428.693.989)
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6.415.654.785	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(13.039.204)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	25.974.352.949	200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	25.974.352.949	(6.415.654.785)
NGUỒN VỐN						
400	B. Vốn chủ sở hữu	40.363.161.880	400	D. Vốn chủ sở hữu	40.363.161.880	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	399.216.511	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	730.277.473	331.060.962
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	331.060.962			(331.060.962)	
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.058.731.913	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.058.731.913	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	189.395.018	189.395.018
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	869.336.895	869.336.895